

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/10

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 30.08.2024
Sản phẩm: **Epotal® ECO 3675**

Phiên bản: 1.0

(30713110/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
Epotal® ECO 3675

Sử dụng: Nguyên liệu, Chỉ sử dụng trong công nghiệp

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Sản phẩm được phân loại là hóa chất không nguy hiểm theo các tiêu chuẩn của Hệ thống hài hòa toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn hóa chất (GHS).

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Sản phẩm không yêu cầu nhãn cảnh báo mối nguy hiểm theo Tiêu chuẩn GHS

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Không có các mối nguy hiểm cụ thể, nếu xem xét các quy định/lưu ý về cất trữ và xử lý. Nếu sản phẩm dính vào da, kích ứng có thể xảy ra khi da khô.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 30.08.2024
Sản phẩm: **Epotal® ECO 3675**

Phiên bản: 1.0

(30713110/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: hỗn hợp

Độ phân tán của polymer dựa trên: polyurethane

Thành phần nguy hại

mixture of: 5-chloro-2-methyl-2H-isothiazol-3-one and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one

Hàm lượng (W/W): < 15 PPM

Số CAS: 55965-84-9

Acute Tox.: Cat. 3 (tiếp xúc miệng)

Acute Tox.: Cat. 2 (Hô hấp - sương)

Acute Tox.: Cat. 2 (trên da)

Skin Corr./Irrit.: Cat. 1C

Eye Dam./Irrit.: Cat. 1

Skin Sens.: Cat. 1A

Aquatic Acute: Cat. 1

Aquatic Chronic: Cat. 1

M- nhân tố cấp tính: 100

M- nhân tố mãn tính: 100

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:

Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:

Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:

Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:

Ngay lập tức rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước chảy và mở to mí mắt, tham khảo ý kiến chuyên gia mắt.

Khi nuốt phải:

Súc miệng sau đó uống khoảng 200-300 ml nước. Không làm nôn mửa trừ khi trung tâm kiểm soát chất độc hay bác sĩ yêu cầu làm như vậy.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Những mối nguy hiểm: Không dự đoán có nguy hại.

Việc xử lý: Xử lý triệu chứng (khử độc, chức năng sống).

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 30.08.2024
Sản phẩm: **Epotal® ECO 3675**

Phiên bản: 1.0

(30713110/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

Phun nước, bột khô, bột, cacbon dioxide

Những mối nguy hiểm cụ thể:
Không có chứa các thành phần nguy hại.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:
Không có sẵn các dữ liệu.

Thông tin bổ sung:
Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức. Tự bản thân sản phẩm không cháy; phương pháp dập tắt lửa các khu vực xung quanh phải được xem xét.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Tránh tiếp xúc với da và mắt

Cảnh báo môi trường:

Không thải chất chưa được xử lý vào môi trường nước tự nhiên.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng nhỏ: Thu gom bằng vật liệu hấp thụ phù hợp (như cát, mặt cưa, chất rắn đa năng, đất tảo cát) Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

Cho lượng lớn: Bơm hút sản phẩm.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Có thể hình thành một lượng nhỏ khí CO sau thời gian dài lưu trữ. Dựa trên kiến thức hợp lệ của chúng tôi, không được vượt qua giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp (OEL) trong suốt thời gian sử dụng. Chỉ được đi vào bên trong bồn chứa sau khi rửa sạch thật kỹ và bảo đảm loại bỏ hoàn toàn hơi hoá chất còn sót lại. Tuân thủ quy định địa phương và quốc tế về quy trình làm việc trong không gian giới hạn. Trong trường hợp không chắc chắn, phải xác định nồng độ khí CO.

Hướng dẫn bảo quản

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Cát giữ không làm lạnh.

Nhiệt độ bảo quản không thấp hơn: 5 °C

Bảo quản ở nhiệt độ dưới: 60 °C

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Không có giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp cụ thể được biết đến.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 30.08.2024
 Sản phẩm: **Epotal® ECO 3675**

Phiên bản: 1.0

(30713110/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

Thiết bị bảo hộ cá nhân**Bảo vệ tay:**

Găng tay chống hóa chất thích hợp (EN ISO 374-1) cũng với quá trình tiếp xúc lâu dài và trực tiếp (Đề nghị: Chỉ số bảo vệ 6, tương ứng > 480 phút thời gian thẩm thấu theo EN ISO 374-1) : Vd. cao su nitrile (0.4 mm), cao su chloroprene (0.5 mm), cao su butyl (0.7 mm) v

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thẩm thấu được xác định qua các thí nghiệm

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chấn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Tránh tiếp xúc với da và mắt

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng: chất lỏng, chất phân tán
 Màu sắc: Màu trắng
 Mùi: gần như không mùi
 Ngưỡng mùi: không được xác định

Giá trị pH: 8 - 11 (DIN ISO 976)

Thông tin trên: water

Điểm nóng chảy: 0 °C

Thông tin trên: water

Điểm sôi: 100 °C

Điểm chớp cháy:

không áp dụng

Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas): không bắt cháy

Giới hạn nổ dưới (LEL):

Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.

Giới hạn nổ trên (UEL):

Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.

Nhiệt độ tự cháy:

không áp dụng

Phân hủy do nhiệt: Không phân hủy nếu sử dụng đúng đắn.

Tự bắt cháy: không tự cháy

Khả năng tự gia nhiệt: Chất không có khả năng tự gia nhiệt.

Nguy cơ nổ: không nổ

Những đặc tính làm tăng cháy: không cháy lan

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 30.08.2024
Sản phẩm: **Epotal® ECO 3675**

Phiên bản: 1.0

(30713110/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

Thông tin trên: water

Áp suất hơi: 23.4 hPa
(20 °C)
Dữ liệu tài liệu.

Tỷ trọng: tương đương 1.00 g/cm³ (ISO 2811-1)
(20 °C)

Tỷ trọng tương đối: Không có sẵn các dữ liệu.

Tỷ trọng hơi (không khí): không áp dụng

Tính tan trong nước: Có thể hòa tan một phần
(15 °C)

Khả năng pha trộn với nước: có thể pha trộn

Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow): không áp dụng

Tính nhớt, động lực: 5 - 50 mPa.s (DIN EN ISO 3219)
(23 °C, 250 1/s)

Hàm lượng các chất rắn: 29 - 31 % (DIN EN ISO 3251)

Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất:

Kích thước hạt: < 0,1 µm - 10 µm

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Tránh nhiệt độ quá cao.

Phân hủy do nhiệt: Không phân hủy nếu sử dụng đúng đắn.

Những chất cần tránh:

Không có chất nào cần phải tránh.

Những phản ứng nguy hiểm:

Không xảy ra các phản ứng nguy hiểm khi cất trữ và sử dụng theo hướng dẫn. Có thể hình thành một lượng nhỏ khí CO sau thời gian dài lưu trữ.

Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 30.08.2024
Sản phẩm: **Epotal® ECO 3675**

Phiên bản: 1.0

(30713110/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

Độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
LD50chuột (miệng): > 2,000 - 10,000 mg/kg

Đánh giá độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Triệu chứng

Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:
Nếu sản phẩm dính vào da, kích ứng có thể xảy ra khi da khô.

Không gây kích ứng mắt. Không gây kích ứng da. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: không gây kích ứng (OECD hướng dẫn 404)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: không gây kích ứng (OECD hướng dẫn 405)

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:
Tác dụng mẫn cảm da đã không được theo dõi trong nghiên cứu động vật. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:
Chất không gây đột biến trên vi khuẩn. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:
Tất cả những thông tin hiện có của chúng tôi cho thấy không có bất cứ dấu hiệu nào về tác động gây ung thư.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:
Không cho thấy khả năng gây độc tính sinh sản. (dựa trên thành phần hoá học).

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:
Các dữ liệu hiện tại không thích hợp để cung cấp cho quá trình đánh giá về tác động của chất đối với sự gia tăng độc tính.

Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Qua các nghiên cứu trên động vật, không phát hiện các tác động có hại nào sau khi tiếp xúc nhiều lần qua đường hô hấp. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Nguy cơ khi hít vào

không áp dụng

Thông tin độc tính liên quan khác

Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khoẻ nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng. Báo cáo bắt nguồn từ các sản phẩm có thành phần tương tự.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) > 100 mg/l, Brachydanio rerio (OECD - Hướng dẫn 203, tĩnh điện)

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) > 100 mg/l, Daphnia magna (Hướng dẫn OECD 202, phần 1, tĩnh điện)

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) > 100 mg/l, Scenedesmus subspicatus (Hướng dẫn OECD 201)

Nồng độ danh nghĩa.

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC20 (0.5 h) > 100 mg/l, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt (DIN EN ISO 8192-OECD 209-88/302/EEC,P. C)

Sự kìm hãm quá trình phân huỷ của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Không có sẵn các dữ liệu.

Tính bền và tính biến chất

Thông tin bị đào thải:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 30.08.2024
Sản phẩm: **Epotal® ECO 3675**

Phiên bản: 1.0

(30713110/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

73 % Sự hình thành CO₂ có liên quan đến chỉ số lý thuyết (28 d) (OECD 301B; ISO 9439; 92/69/EEG, C.4-C) (hiếu khí, bùn hoạt tính, sinh hoạt, không được thích ứng) Có thể nhanh chóng phân hủy.

Khả năng tích lũy sinh học

Khả năng tích lũy sinh học:

Dựa vào thuộc tính cấu trúc, polyme không có giá trị về mặt sinh học. Không có khả năng tích lũy trong sinh khối.

Những tác động bất lợi khác

Halogen mạch vòng hữu cơ có khả năng hấp phụ (AOX):

Không có sẵn các dữ liệu.

Thông tin bổ sung

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:

Không thải chất chưa được xử lý vào môi trường nước tự nhiên. Với thông tin, kiến thức hiện tại, không có tác động sinh thái tiêu cực.

Các dữ liệu sinh thái được xác định bởi phép loại suy.

13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phải được thải bỏ hoặc đốt phù hợp với quy định địa phương.

Không thể xác định quy định chất thải theo danh mục chất thải Châu Âu (EWC), do phụ thuộc vào cách sử dụng.

Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

Số UN hoặc số ID	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 30.08.2024
 Sản phẩm: **Epotal® ECO 3675**

Phiên bản: 1.0

(30713110/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: Không áp dụng

Nhóm đóng gói: Không áp dụng

Mối nguy hiểm về môi trường: Không áp dụng
 Ô nhiễm hàng hải: không

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng Chưa có thông tin

Sea transport

IMDG

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID number: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

Transport hazard class(es): Not applicable

Packing group: Not applicable

Environmental hazards: Not applicable
 Marine pollutant: no

Special precautions for user None known

Vận tải hàng không

IATA/ICAO

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: Không áp dụng

Nhóm đóng gói: Không áp dụng

Mối nguy hiểm về môi trường: Không áp dụng

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng Chưa có thông tin

Air transport

IATA/ICAO

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID number: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

Transport hazard class(es): Not applicable

Packing group: Not applicable

Environmental hazards: Not applicable

Special precautions for user None known

15. Thông tin về pháp luật

Những quy định khác

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 30.08.2024
Sản phẩm: **Epotal® ECO 3675**

Phiên bản: 1.0

(30713110/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Nghị định số 34/2024/ND-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.
- Nghị định số 33/2024/ND-CP ngày 27/03/2024 của Chính phủ Quy định việc thực hiện công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất.

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.